**Phụ lục X**

**MẪU BẢN THUYẾT MINH**

**ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số* **21***/2015 /TT-BNNPTNT ngày* **08** *tháng* **6** *năm 2015*

*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THUYẾT MINH**

**ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

**Kính gửi: Cục Bảo vệ thực vật**

**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC**

**1. Tên tổ chức:** ............................................................................................................................

Địa chỉ: .........................................................................................................................................

Điện thoại: .........................Fax:........................E-mail: ...............................................................

**2. Tên người đại diện**: .................................................................................................................

**3. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp phép thành lập/đăng ký doanh** **nghiệp**.....................

**4. Loại hình hoạt động:**...............................................................................................................

**II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KHẢO NGHIỆM**

**1. Nhân lực**

Danh sách nhân viên *(bao gồm cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ kỹ thuật, nhân viên có liên quan trực tiếp đến khảo nghiệm):*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Năm sinh | Nam/Nữ | Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ | Chức vụ, chức danh | Chứng nhận tập huấn | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Phương tiện, thiết bị phục vụ khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật**

a) Bình phun thuốc bảo vệ thực vật đang vận hành tốt:

- Bình phun tay đeo vai (dùng cần gạt bằng tay), số lượng tối thiểu 02 chiếc;

- Bình phun tay hoạt động nạp điện bằng bình sạc (không cần sử dụng tay đẩy,  chỉ cần ấn công tắc), số lượng tối thiểu 02 chiếc;

- Bình phun thuốc động cơ sử dụng cho cây công nghiệp dài ngày và cây ăn quả lâu năm, số lượng tối thiểu 02 chiếc.

b) Cân phân tích có độ chính xác ít nhất đạt 10-2, số lượng tối thiểu 02 chiếc

c) Ống đong các loại dung tích 50, 100, 200, 500 ml, số lượng tối thiểu mỗi loại 02 chiếc.

d) Pipet các loại dung tích 1, 5, 10, 20 ml, số lượng tối thiểu mỗi loại 02 chiếc.

đ) Các vật dụng để thiết kế thí nghiệm: thước dài, cọc, bảng, dây, kính lúp cầm tay (sử dụng cho các loài sinh vật gây hại không quan sát rõ được bằng mắt thường) phải đủ để tiến hành theo yêu cầu về quy mô khảo nghiệm.

e) Các trang thiết bị thí nghiệm trong phòng cần thiết để xác định mật độ các loài sâu hại không đo đếm được bằng mắt thường (như nhện gié, tuyến trùng) phải đầy đủ và vận hành tốt để thực hiện khảo nghiệm trên các đối tượng dịch hại này.

g) Các trang thiết bị phục vụ cho việc xử lý số liệu, tổng hợp báo cáo kết quả khảo nghiệm: máy vi tính, phần mềm xử lý số liệu.

h) Các phương tiện bảo hộ lao động như quần áo, ủng, găng tay, khẩu trang, kính bảo hộ mắt đảm bảo an toàn về lao động đối với thuốc bảo vệ thực vật.

**3. Diện tích, cơ cấu, mùa vụ các loại cây trồng phổ biến trên địa bàn do tổ chức quản lý hoặc ký hợp đồng được sử dụng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Cơ cấu các loại cây trồng chính | Diện tích  (ha) | Mùa vụ | Sự xuất hiện các loài dịch hại |
| 1 | Cây lúa |  |  |  |
| 2 | Cây ăn quả  (vải, cam, xoài ...) |  |  |  |
| 3 | Cây rau  (cải bắp, dưa chuột, bầu bí ...) |  |  |  |
| 4 | Cây trồng màu  (đậu, lạc...) |  |  |  |
| 5 | Cây công nghiệp  (chè, cà phê, điều, cao su…) |  |  |  |
| 6 | Cây trồng đặc thù |  |  |  |
|  | … |  |  |  |

**4. Phòng thí nghiệm phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật**

a) Hệ thống quản lý chất lượng được chứng nhận của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn: ....................................................................................................................................

b) Thiết bị phân tích

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên thiết bị | Số lượng | Nước sản xuất | Tổng công suất | Năm bắt đầu sử dụng |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

c) Chỉ tiêu phân tích đã được công nhận:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu | Phương pháp | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |
| ... |  |  |  |

*(Đánh dấu \* đối với các chỉ tiêu thử nghiệm được công nhận/ chỉ định bởi các tổ chức chứng nhận/ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

d) Nhân lực

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Năm sinh | Nam/Nữ | Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ | Chức vụ, chức danh | Những khóa đào tạo đã tham gia | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

**5. Các đơn vị phối hợp thực hiện khảo nghiệm**:

.......................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................

**6. Những thông tin khác**

.......................................................................................................................................................

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KHẢO NGHIỆM**

*(Ký tên, đóng dấu)*